

**TOSHIBA**  
Leading Innovation >>>

















SPI





Máy điều hòa không khí thương mại biến tần

SPI là dòng máy điều hòa không khí tiết kiệm điện năng tiêu thụ được thiết kế đáp ứng các yêu cầu của người sử dụng. SPI được thiết kế vừa giảm được lượng môi chất lạnh và đạt hiệu suất cao (EER). Do đó kích thước thiết bị giảm giúp việc lắp đặt dễ dàng hơn, đặc biệt đối với các không gian lắp đặt nhỏ. Mặt khác, thiết bị còn được bổ sung nhiều tính năng hữu ích như khả năng tự nhớ thông tin cài đặt hoạt động cho lần tiếp theo khi bị mất điện đột ngột.

## Kiểu Sản Phẩm

Equivalent HP		1,5HP	2HP	3HP	4HP
		13,000BTU	18,000BTU	24,000BTU	36,000BTU
Type	<b>Cassette</b> Luồng khí mở rộng về mọi hướng Kích thước nhỏ gọn				
	Dàn lạnh	RAV-SE401UP-V1	RAV-SE561UP-V1	RAV-SE801UP-V1	RAS-SE1001UP-V1
	<b>Áp trần</b> Uốn cong mềm mại Cánh đảo thiết kế mới				
	Dàn lạnh	RAV-SE402CP-V	RAV-SE562CP-V	RAV-SE802CP-V	RAV-SE1002CP-V
	<b>Âm trần</b> Kích thước nhỏ gọn Áp suất tĩnh cao Bơm nước ngưng lắp sẵn Miệng thổi gió dễ kết nối Cho phép linh hoạt trong thiết kế				
	Dàn lạnh	RAV-SE401BP-V	RAV-SE561BP-V	RAV-SE801BP-V	RAV-SE1001BP-V
	<b>Treo tường</b> Thiết kế đẹp và sang trọng Sản phẩm tối ưu				
	Dàn lạnh		RAV-SE561KRP	RAV-SE801KRP	

<b>Dàn nóng</b>				
	RAV-TE401AP-V	RAV-TE561AP-V	RAV-TE801AP-V	RAV-TE1001AP-V RAV-TE1001A8-V

# SPI

5HP  
42,000BTU

6HP  
48,100BTU



RAV-SE1251UP-V1



RAV-SE1401UP-V1



RAV-SE1252CP-V



RAV-SE1402CP-V



RAV-SE1251BP-V



RAV-SE1401BP-V



RAV-TE1251AP-V  
RAV-TE1251A8-V



RAV-TE1401A8-V





# Toshiba đứng đầu về cải tiến hiệu suất năng lượng và công nghệ tiết kiệm năng lượng

**Dàn trao đổi nhiệt bằng nhôm**  
Hiệu suất trao đổi nhiệt cao

**Bộ biến tần**

1. Bảo vệ quá dòng

2. Hộp bảo vệ bộ biến tần

**Bảo vệ bo mạch**

SPI có 4 ưu điểm mang đến sự hoạt động vượt trội

1. Được trang bị chức năng phát hiện đầu nối sai dây cấp nguồn điện và bảo vệ quá dòng. (4&5 HP; 3-PH)
2. Hộp bảo vệ bộ biến tần có khả năng ngăn cát bụi xâm nhập vào bên trong làm mất chức năng bo mạch
3. Có thể hoạt động tốt trong những điều kiện điện áp cao (4&5HP; 3 pha)
4. Trên bề mặt bo mạch điều khiển được phủ một lớp đặc biệt giúp ngăn bụi bẩn bám vào.

**Máy nén 1 chiều loại kép**

Làm tăng phạm vi hiệu suất hoạt động

**Moto 1 chiều có độ ma sát thấp**

- Nhỏ gọn
- Hiệu suất cao
- Lực xoắn mạnh

**Các bộ phận máy nén được sản xuất có độ chính xác cao**

- Hiệu suất cao hơn
- Độ tin cậy cao hơn

**Mô tơ (động cơ) quạt DC**

- Hiệu suất cao với mô tơ (động cơ) quạt DC

**Quạt cánh dơi**

Cột áp cao  
Áp suất cao

Quạt cánh dơi giúp hạn chế độ ồn thấp nhất  
\* 1.5 , 2.3 HP

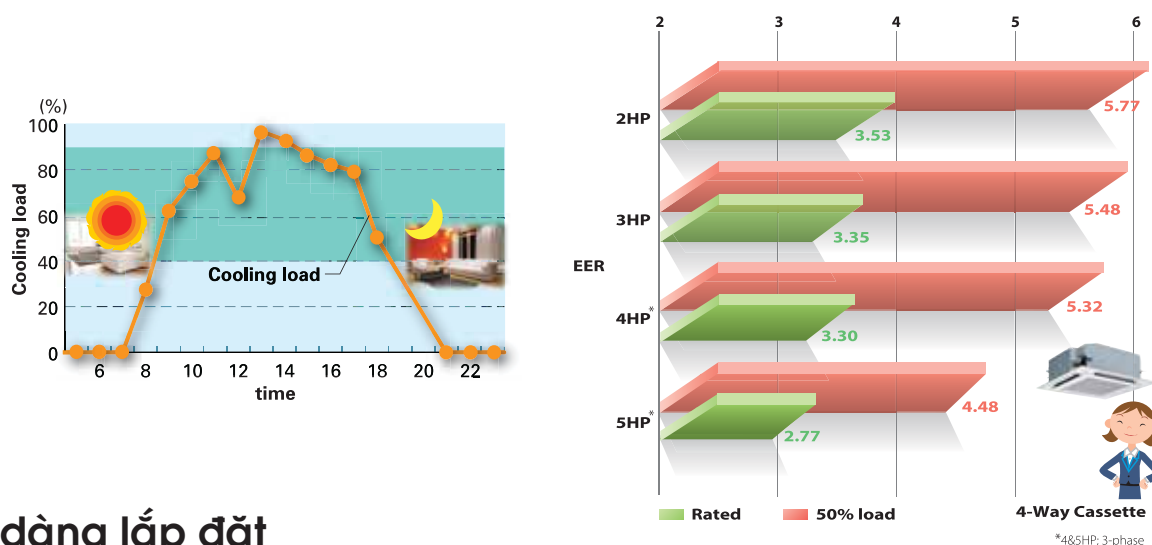
The graph shows 'Total efficiency of compressor (%)' on the y-axis and 'Frequency of compressor (rps)' on the x-axis. It is divided into three regions: 'Partial load range' (Most frequent operation), 'Standard range', and 'Standard range'. The 'DC twin-rotary type' (red line) shows higher efficiency in the partial load range compared to the 'Conventional rotary type' (blue line). A blue arrow points to the partial load range with the text 'Sự khác biệt đem lại tiết kiệm điện năng'.

So sánh động cơ mô tơ DC với động cơ mô tơ thường của máy nén

## Hiệu suất hoạt động cao

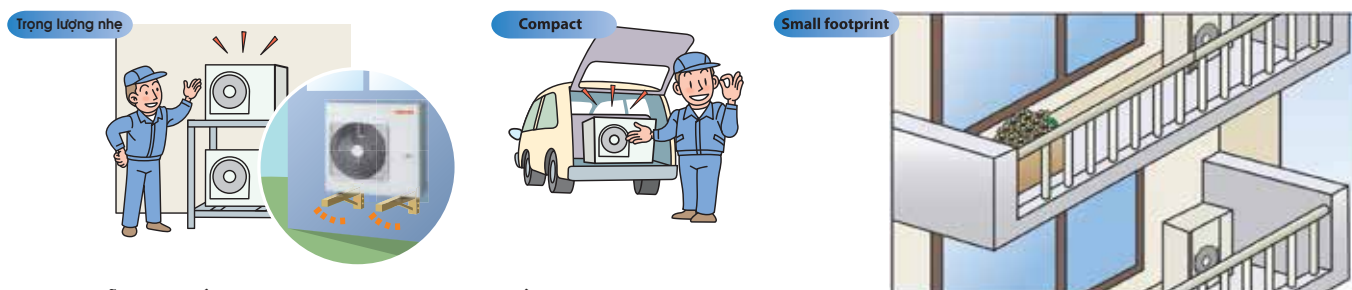
SPI mang lại khả năng làm lạnh cao với chi phí điện năng tiêu thụ thấp.

SPI được trang bị công nghệ biến tần, đáp ứng tốt ở mọi điểm tải trong ngày.



## Đễ dàng lắp đặt

Trọng lượng nhẹ, nhỏ gọn, bộ máy nhỏ, dễ dàng vận chuyển và lắp đặt

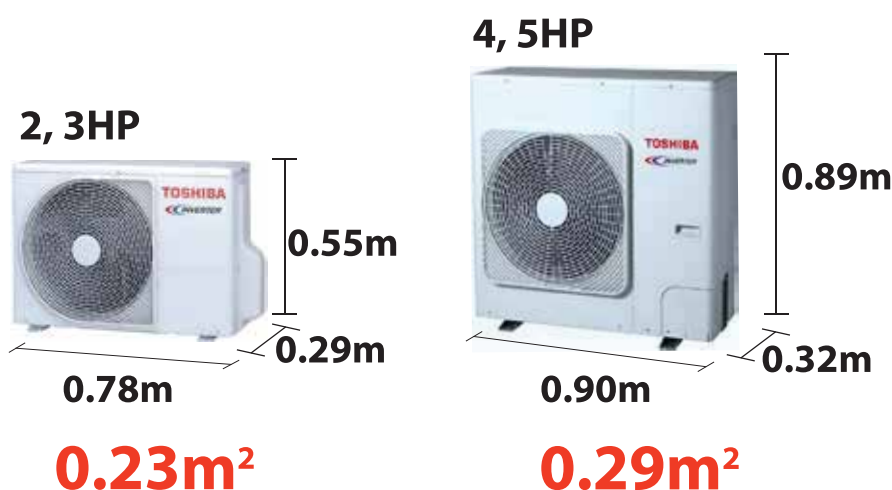


- Dễ dàng lắp đặt dàn nóng trên tường bằng giá đỡ.
- Dễ dàng lắp đặt dàn nóng trên ban công.
- Dễ dàng khuôn vác với trọng lượng chỉ 32kg cho máy 2&3 HP, 57kg cho 4&5 HP, 3 pha
- Dễ dàng vận chuyển bởi thiết kế nhỏ gọn

## Bộ máy nhỏ

Dàn nóng với thiết kế bộ máy nhỏ chỉ từ 0.23 m<sup>2</sup>, 0.29 m<sup>2</sup>, chiếm không gian nhỏ cho lắp đặt.

Với kích thước nhỏ gọn và hướng gió tối ưu SPI có thể lắp đặt ở những nơi có không gian hẹp.

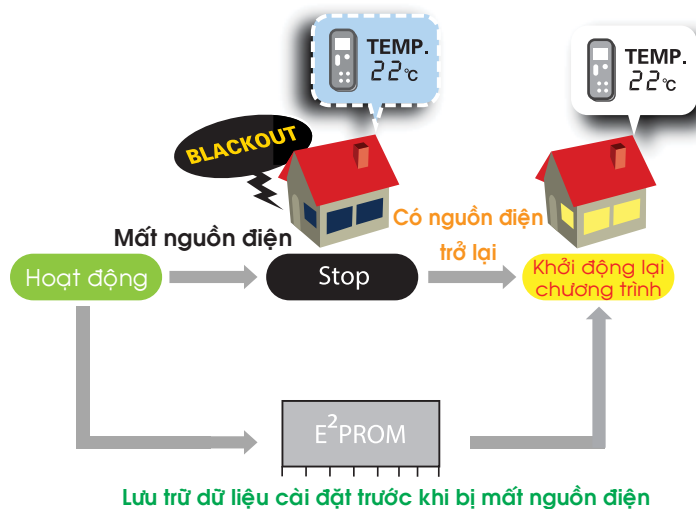




## Độ tin cậy cao

Tự khởi động lại chương trình đang sử dụng sau khi bị mất điện đột ngột

SPI tự khởi động lại chương trình cài đặt đang sử dụng trước khi bị mất nguồn đột ngột. Việc cài đặt này không cần sử dụng đến điều khiển từ xa.

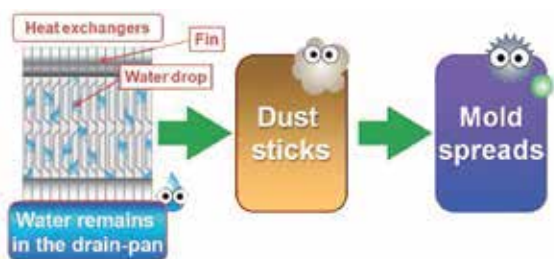


## Công nghệ tiên tiến nhất

Khả năng tự làm sạch - góp phần tăng hiệu suất hoạt động và tiết kiệm điện năng

Các dàn lạnh và áp trần có thể duy trì hiệu suất năng lượng tại thời điểm cài trong thời gian dài

- Được phủ lớp keo đặc biệt giúp ngăn chặn sự bám bẩn lên cánh trao đổi nhiệt

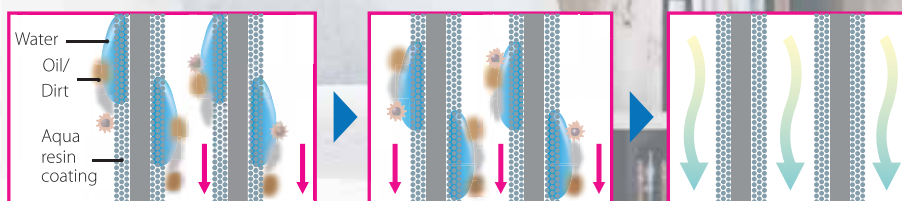


**Phủ keo đặc biệt (Aqua-resin) trên cánh trao đổi nhiệt của dàn lạnh**

Khả năng tự làm sạch - góp phần tăng hiệu suất hoạt động và tiết kiệm điện năng

- Nước ngưng giúp làm sạch bụi bẩn

- Sau khi vệ sinh, bộ phận làm khô hoạt động để ngăn chặn sự lây lan bụi bẩn bám dính



## Bộ điều khiển từ xa thiết kế gọn nhẹ ( Lite - Vision )

Phụ kiện

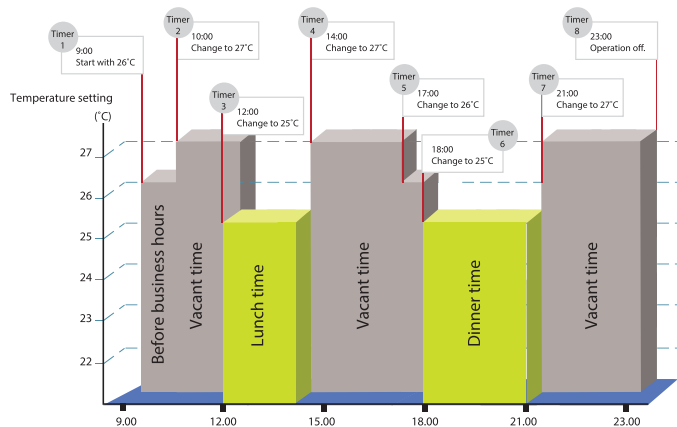
RBC-AMS51E



Bộ điều khiển được thiết kế hiện đại và dễ dàng sử dụng với màn hình LCD trắng đen, nổi bật với chức năng tự động trở về cài đặt trước đó và tính năng lựa chọn cách tiết kiệm năng lượng

## Tiết kiệm năng lượng

Trình điều khiển cho phép lưu đến 8 chương trình hoạt động tắt/mở và nhiệt độ

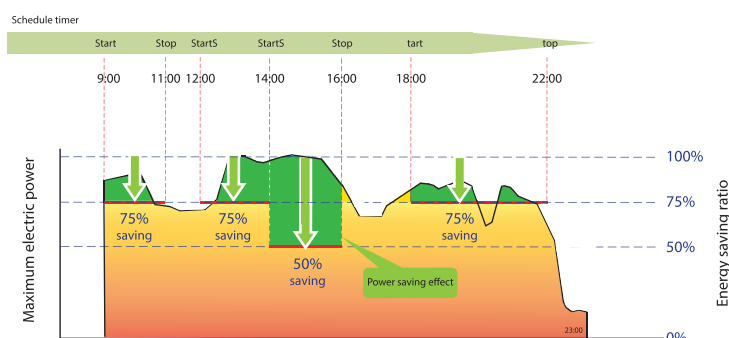


### Cài đặt lịch trình

Trình cài đặt cho phép cài đặt 8 chương trình hoạt động tắt/mở + nhiệt độ khác nhau trong 1 ngày.

### Tính năng tiết kiệm năng lượng

Quản lý tiết kiệm năng lượng thông qua chương trình cài đặt tỉ lệ 1% trong dãy hoạt động từ 50% đến 100%. Tỉ lệ hiệu chỉnh càng thấp mang đến hiệu quả năng lượng càng cao.



## Thuận tiện

Chức năng quản lý nhóm rất thuận tiện và linh hoạt cho từng nhu cầu cụ thể. Có thể sử dụng cho 1 dàn lạnh hoặc 1 nhóm dàn lạnh (tối đa 8 dàn lạnh)



>>> Chế độ ban đêm



- Giới hạn phạm vi nhiệt độ
- Thời gian hoạt động
- Thời gian tự động tắt
- Thời gian tự động mở

## Thân thiện



- Nút nhấn lớn
- Đèn LED đen
- Màn hình dễ nhìn
- Đa ngôn ngữ





## Âm trần bốn hướng thổi

Luồng khí mở rộng ở mọi hướng



### Kích thước nhỏ gọn

Kích thước nhỏ gọn, đặc biệt với chiều cao 256 mm phù hợp với nhiều vị trí lắp đặt.



Bộ điều khiển tiêu chuẩn



Bộ điều khiển không dây

Lựa chọn thêm



Bộ điều khiển có dây

### Mặt nạ với cánh đảo hướng



Kích thước mặt nạ giống nhau do đó tất cả model có thể dùng chung 1 kiểu mặt nạ

RBC-U31PGXP(W)-IN1

## Thông số kỹ thuật

Dàn lạnh			RAV-SE401UP-V1	RAV-SE561UP-V1	RAV-SE801UP-V1	RAV-SE1001UP-V1	RAV-SE1251UP-V1	RAV-SE1001UP-V1	RAV-SE1251UP-V1	RAV-SE1401UP-V1	
Dàn nóng			RAV-TE401AP-V	RAV-TE561AP-V	RAV-TE801AP-V	RAV-TE1001AP-V	RAV-TE1251AP-V	RAV-TE1001A8-V	RAV-TE1251A8-V	RAV-TE1401A8-V	
Làm lạnh	Công suất		kW	3.82	5.3	6.2	10.0	12.5	10.0	12.1	14.1
	Dây công suất min-max		kW	1.1 - 4.0	1.2 - 5.6	1.2 - 7.1	4.0 - 11.2	4.0 - 13.0	4.0 - 11.2	4.0 - 12.5	3.0 - 15.4
	Điện năng tiêu thụ		kW	1.12	1.50	1.85	3.03	4.51	3.03	4.37	5.03
	Hiệu suất năng lượng EER	Công suất 100%	3.41	3.53	3.35	3.30	2.77	3.30	2.77	2.80	
		Công suất 80%	4.25	4.41	4.19	4.17	3.50	4.17	3.49	3.50	
Công suất 50%		5.62	5.77	5.48	5.88	4.96	5.32	4.48	4.55		
Lưu lượng gió			m³/h	1050 / 870 / 780	1050 / 870 / 780	1230 / 960 / 810	1800 / 1530 / 1230	1860 / 1530 / 1230	1800 / 1530 / 1230	1860 / 1530 / 1230	2130/1500/1260
Độ ồn			dB(A)	32 / 29 / 28	32 / 29 / 28	35 / 31 / 28	47 / 44 / 39	48 / 44 / 39	47 / 44 / 39	48 / 44 / 39	48/44/39
Kích thước thiết bị			mm	256 / 840 / 840				256 / 840 / 840		319/840/840	
Trọng lượng			kg	20				20		24	
Mặt nạ	Mã thiết bị		RBC-U31PGXP(W)-IN1					RBC-U31PGXP(W)-IN1			
	Kích thước		mm	30/950/950				30/950/950			
Nguồn điện			1-phase 50Hz 220 - 240V / 1-phase 60Hz 220 - 230V					3-phase 50Hz 380 - 415V / 3-phase 60Hz 380 - 400V			
Kiểu máy nén			DC rotary	DC twin rotary				DC twin rotary			
Kích thước ống ga			mm	ø12.7 / ø6.4	ø12.7 / ø6.4	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5		
Chiều dài đường ống (chuẩn/min)			m	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 5	7.5 / 5	7.5 / 5		
Chiều dài đường ống tối đa			m	25	25	25	30	30	30		
Chênh lệch độ cao (max)			m	10	10	10	20	20	20		
Kích thước dàn nóng			mm	550 / 780 / 290			890 / 900 / 320		890 / 900 / 320		
Trọng lượng			kg	33	32	32	57	57	48	48	57
Độ ồn			dB(A)	47	52	52	59	60	59	60	60
Dãy nhiệt độ hoạt động			°C	15~46				15~46			

Nhiệt độ tiêu chuẩn - làm lạnh. Nhiệt độ trong nhà 27°C DB/19°C WB, nhiệt độ ngoài trời 35°C DB



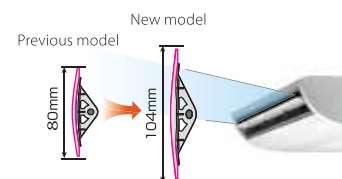
## Áp trần

### Uốn cong mềm mại

Với thiết kế hoàn toàn mới, thiết bị này được phát triển dựa trên nhu cầu người sử dụng, đáp ứng tốt về sự hài hòa giữa thiết bị và nội thất trong không gian sử dụng

### Thiết kế mới với hướng gió mở rộng

Hướng gió được điều chỉnh tự động, đáp ứng tối đa các yêu cầu của người sử dụng. Cánh đảo hướng tự động giúp điều chỉnh hướng gió đến mọi nơi trong phòng để tạo môi trường thoải mái.



**30% Extension**



### Bơm nước ngưng thiết kế mới

Bộ bơm thoát nước giúp cho việc thoát nước dễ dàng hơn. Tinh thể bên trong pump kit giúp giảm hình thành nấm



Lựa chọn



Bộ điều khiển không dây  
RBC-ACX33CE1

Lựa chọn



Bộ điều khiển có dây  
RBC-AMT32E

\* Có thể lựa chọn thêm

### Thông số kỹ thuật

Dàn lạnh			RAV-SE402CP-V	RAV-SE562CP-V	RAV-SE802CP-V	RAV-SE1002CP-V	RAV-SE1252CP-V	RAV-SE1002CP-V	RAV-SE1252CP-V	RAV-SE1402CP-V	
Dàn nóng			RAV-TE401AP-V	RAV-TE561AP-V	RAV-TE801AP-V	RAV-TE1001AP-V	RAV-TE1251AP-V	RAV-TE1001A8-V	RAV-TE1251A8-V	RAV-TE1401A8-V	
Làm lạnh	Công suất		kW	3.82	5.3	6.6	10.0	12.5	10.0	12.0	14.1
	Dây công suất min-max		kW	1.1 - 4.0	1.2 - 5.6	1.2 - 7.1	4.0 - 11.2	4.0 - 13.0	4.0 - 11.2	4.0 - 12.5	3.0 - 15.4
	Điện năng tiêu thụ		kW	1.12	1.54	2.00	3.22	4.58	3.22	4.40	5.03
	Hiệu suất năng lượng EER	Công suất 100%	3.41	3.44	3.30	3.11	2.73	3.11	2.73	2.80	
		Công suất 80%	4.25	4.30	4.12	3.92	3.45	4.04	3.44	3.50	
		Công suất 50%	5.62	5.61	5.39	5.56	4.88	5.15	4.55	4.55	
Lưu lượng gió			m³/h	900 / 720 / 540	900 / 720 / 540	1750 / 1520 / 1180	1750 / 1520 / 1180	1860 / 1350 / 1020	1750 / 1520 / 1180	1860 / 1350 / 1020	2040/1650/1260
Độ ồn			dB(A)	37 / 35 / 28	37 / 35 / 28	50 / 46 / 39	50 / 46 / 39	51 / 47 / 40	50 / 46 / 39	51 / 47 / 40	51/47/40
Sound power level (H/M/L)			dB(A)		52 / 50 / 43	65 / 61 / 54	65 / 61 / 54	66 / 62 / 55	65 / 61 / 54	66 / 62 / 55	65 / 61 / 54
Kích thước thiết bị			mm	235 / 952 / 690		235 / 1269 / 690		235 / 1586 / 690	235 / 1269 / 690	235 / 1586 / 690	
Trọng lượng			kg	23		29	30	35	30	35	37
Nguồn điện				1-phase 50Hz 220 - 240V / 1-phase 60Hz 220 - 230V					3-phase 50Hz 380 - 415V / 3-phase 60Hz 380 - 400V		
Kiểu máy nén				DC rotary	DC twin rotary				DC twin rotary		
Kích thước ống ga			mm	ø12.7 / ø6.4	ø12.7 / ø6.4	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5		
Chiều dài đường ống (chuẩn/min)			m	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 5	7.5 / 5	7.5 / 5		
Chiều dài đường ống tối đa			m	25	25	25	30	30	30		50
Chênh lệch độ cao (max)			m	10	10	10	20	20	20		30
Kích thước dàn nóng			mm	550 / 780 / 290			890 / 900 / 320		890 / 900 / 320		
Trọng lượng			kg	33	32	32	57	57	48	48	57
Độ ồn			dB(A)	47	52	52	59	60	59	60	60
Dây nhiệt độ hoạt động			°C	15~46					15~46		

Nhiệt độ tiêu chuẩn - làm lạnh. Nhiệt độ trong nhà 27°C DB/19°C WB, nhiệt độ ngoài trời 35°C DB



## Âm trần nổi ống gió

### Phạm vi ứng dụng rộng lớn

#### Thiết kế nhỏ gọn

Kích thước chắc gọn đặc biệt với chiều cao 275 mm. Bộ khung được thiết kế mới mỏng hơn giúp ứng dụng được rộng rãi



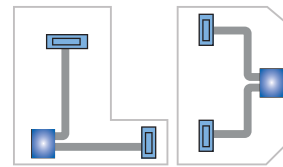
#### Cột áp cao

Áp suất bên ngoài có thể tăng cao 120Pa, để cho tất cả các khu vực của phòng có thể hưởng tới bộ cân bằng nhiệt, bất kể thiết kế phức tạp thế nào.

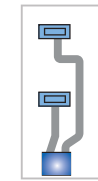
#### Tích hợp bơm xả nước

The flexible piping layout is made possible by an optionally available drain-pump kit that raises the drain piping up to 850 mm from the drain port.

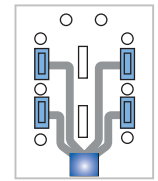
### Ống nối linh động, dễ dàng kết nối giúp việc thiết kế hoàn thành linh động



Polygonal rooms



Narrow rooms



Rooms with fixtures and obstacles

Lựa chọn



Bộ điều khiển không dây  
TCB-ACX32E2

Lựa chọn



Bộ điều khiển có dây  
RBC-AMT32E

\*\* Available as an option.

Spigot shaped flange\*\*



TCB-SF56C6BPE



TCB-SF80C6BPE



TCB-SF160C6BPE

### Thông số kỹ thuật

Dàn lạnh			RAV-SE401BP-V	RAV-SE561BP-V	RAV-SE801BP-V	RAV-SE1001BP-V	RAV-SE1251BP-V	RAV-SE1001BP-V	RAV-SE1251BP-V	RAV-SE1401BP-V	
Dàn nóng			RAV-TE401AP-V	RAV-TE561AP-V	RAV-TE801AP-V	RAV-TE1001AP-V	RAV-TE1251AP-V	RAV-TE1001A8-V	RAV-TE1251A8-V	RAV-TE1401AP-V	
Làm lạnh	Công suất		kW	3.82	5.3	6.3	10.6	12.6	10.6	12.6	14.1
	Dây công suất min-max		kW	1.1 - 4.0	1.2 - 5.6	1.2 - 7.1	4.0 - 11.2	4.0 - 13.0	4.0 - 11.0	4.0 - 13.0	3.0 - 15.4
	Điện năng tiêu thụ		kW	1.12	1.72	1.93	3.40	4.33	3.40	4.20	5.22
	Hiệu suất năng lượng EER	Công suất 100%		3.41	3.08	3.26	3.12	2.91	3.12	3.00	2.70
		Công suất 80%		4.25	3.85	4.08	3.93	3.67	3.94	3.79	3.30
		Công suất 50%		5.62	5.03	5.33	5.58	5.21	5.15	5.29	4.20
Lưu lượng gió			m³/h	900 / 720 / 540	900 / 720 / 540	1440 / 1220 / 560	1710 / 1260 / 830	2100 / 1650 / 1260	1710 / 1260 / 830	2100 / 1650 / 1260	
External static pressure (factory setting)			Pa	30	30	30	30	50	30	50	
External static pressure-Standard (Upper-Lower)			Pa	30 (120) - 30	30 (120 - 30)	30 (120 - 30)	30 (120 - 30)	50 (120 - 30)	30 (120 - 30)	50 (120 - 30)	
Sound pressure level (H/M/L)			dB(A)	33 / 29 / 25	33 / 29 / 25	41 / 37 / 34	44 / 42 / 39	44 / 42 / 39	44 / 42 / 39	44 / 42 / 39	
Kích thước thiết bị			mm	275 / 700 / 750		275 / 1000 / 750		275 / 1400 / 750	275 / 1000 / 750	275 / 1400 / 750	
Trọng lượng			kg	23		30		40	30	40	
Nguồn điện				1-phase 50Hz 220 - 240V / 1-phase 60Hz 220 - 230V					3-phase 50Hz 380 - 415V / 3-phase 60Hz 380 - 400V		
Kiểu máy nén				DC rotary	DC twin rotary				DC twin rotary		
Kích thước ống ga			mm	ø12.7 / ø6.4	ø12.7 / ø6.4	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5	ø15.9 / ø9.5		
Chiều dài đường ống (chuẩn/min)			m	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 2	7.5 / 5	7.5 / 5	7.5 / 5		
Chiều dài đường ống tối đa			m	25	25	25	30	30	30		50
Chênh lệch độ cao (max)			m	10	10	10	20	20	20		30
Kích thước dàn nóng			mm	550 / 780 / 290			890 / 900 / 320		890 / 900 / 320		
Trọng lượng			kg	33	32		57	57	48	48	57
Độ ồn			dB(A)	47	52		59	60	59	60	60
Dây nhiệt độ hoạt động			°C	15~46					15~46		

Nhiệt độ tiêu chuẩn - làm lạnh. Nhiệt độ trong nhà 27°C DB/19°C WB, nhiệt độ ngoài trời 35°C DB



## Dàn máy treo tường

### Đẹp và sang trọng

#### Thế hệ mỏng

Với thiết kế hấp dẫn, siêu mỏng, thiết bị có thể hòa lẫn 1 cách dễ dàng với bất kỳ nội thất nào. Chất lượng tốt của hệ thống lọc gió mang lại không khí trong lành cho người sử dụng

#### Phân phối gió tối ưu

Với hướng góc 45°C của cánh đảo tự động cho phép phân phối gió tối ưu khắp phòng mang lại sự thoải mái.

Standard supply\*



Bộ điều khiển không dây  
controller

Lựa chọn



Bộ điều khiển có dây  
RBC-AMT32E

\* Included with indoor unit

\*\* Available as an option.

\*2 The Self cleaning function must be set by user.

### Chức năng tự làm sạch

Chức năng tự làm sạch của Toshiba được thiết kế để giảm độ ẩm nguyên nhân gây ra nấm mốc bên trong máy sau khi tắt máy.

Hoạt động bình thường

Hơi ẩm đọng lại bên trong mặt nạ dàn lạnh

Chức năng tự làm sạch

Sau khi tắt máy, quạt hoạt động 20 phút để làm khô không khí xung quanh và giảm hình thành mốc ở dàn lạnh



### Thông số kỹ thuật

			RAV-SE561KRP	RAV-SE801KRP	
			RAV-TE561AP	RAV-TE801AP	
Làm lạnh	Công suất		kW	5.3	5.8
	Dãy công suất min-max		kW	1.2 - 5.6	1.2 - 6.4
	Điện năng tiêu thụ		kW	1.60	1.93
	Hiệu suất năng lượng EER	Công suất 100%		3.31	3.01
		Công suất 80%		4.14	3.75
		Công suất 50%		5.41	4.91
Lưu lượng gió		m³/h	840 / 750 / 660	1020 / 750 / 660	
Sound pressure level (H/M/L)		dB(A)	42 / 39 / 36	47 / 41 / 36	
Kích thước thiết bị		mm	320 / 1050 / 229	320 / 1050 / 229	
Trọng lượng		kg	13	13	
Nguồn điện			1-phase 50Hz 220 - 240V / 1-phase 60Hz 220 - 230V		
Kiểu máy nén			DC twin rotary		
Kích thước ống ga		mm	ø12.7 / ø6.4	ø15.9 / ø9.5	
Chiều dài đường ống (chuẩn/min)		m	7.5 / 2	7.5 / 2	
Chiều dài đường ống tối đa		m	25	25	
Chênh lệch độ cao (max)		m	10	10	
Kích thước dàn nóng		mm	550 / 780 / 290	550 / 780 / 290	
Trọng lượng		kg	32	32	
Độ ồn		dB(A)	52	52	
Dãy nhiệt độ hoạt động		°C	15~46		

### Optimum air distribution

Cooling mode 10°~45°

10°  
45°  
SWING



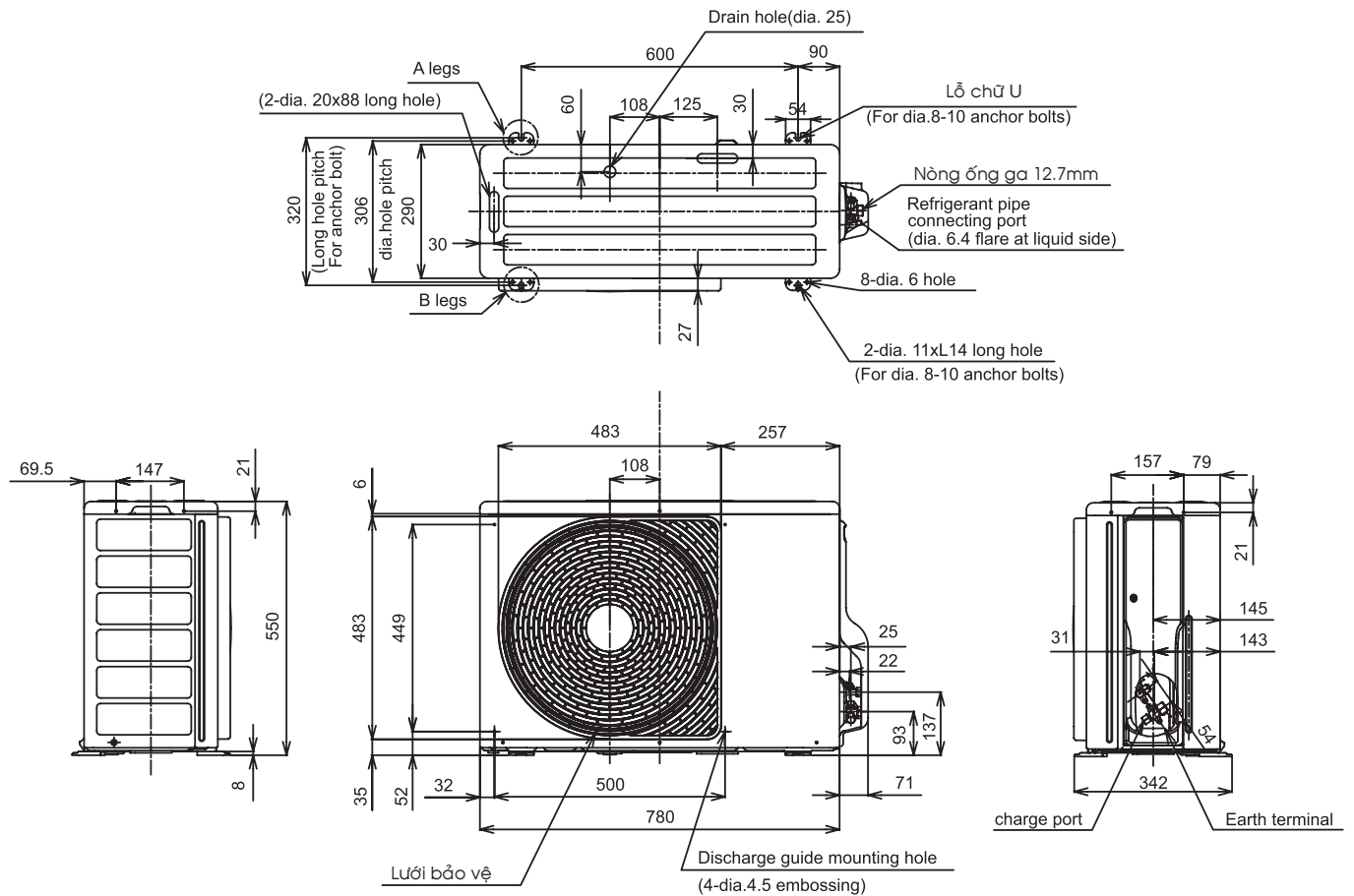


## Outdoor unit drawings - 1.5HP, 2HP, 3HP

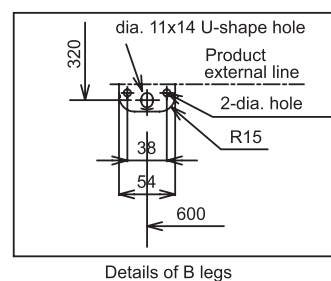
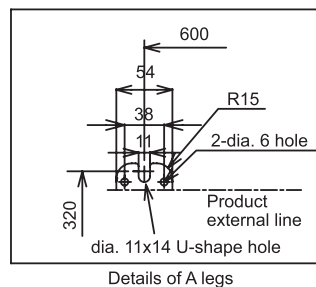
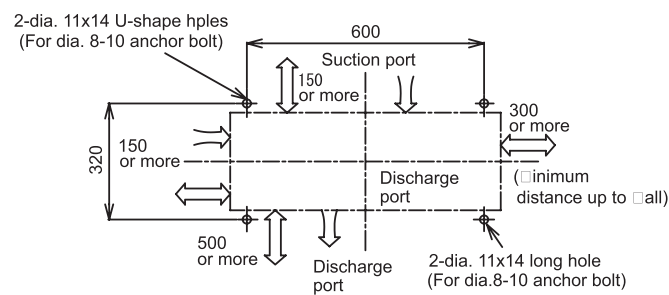
RAV-TE401AP-V

RAV-TE561AP-V

RAV-TE801AP-V



● Không gian yêu cầu lắp đặt bảo trì

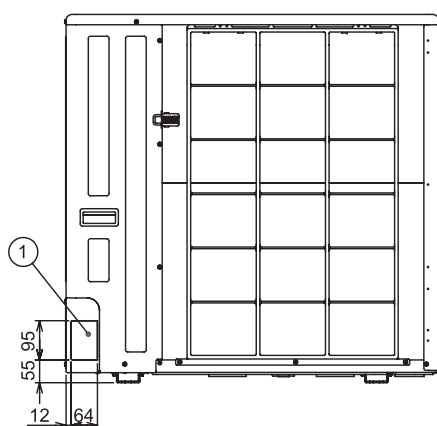
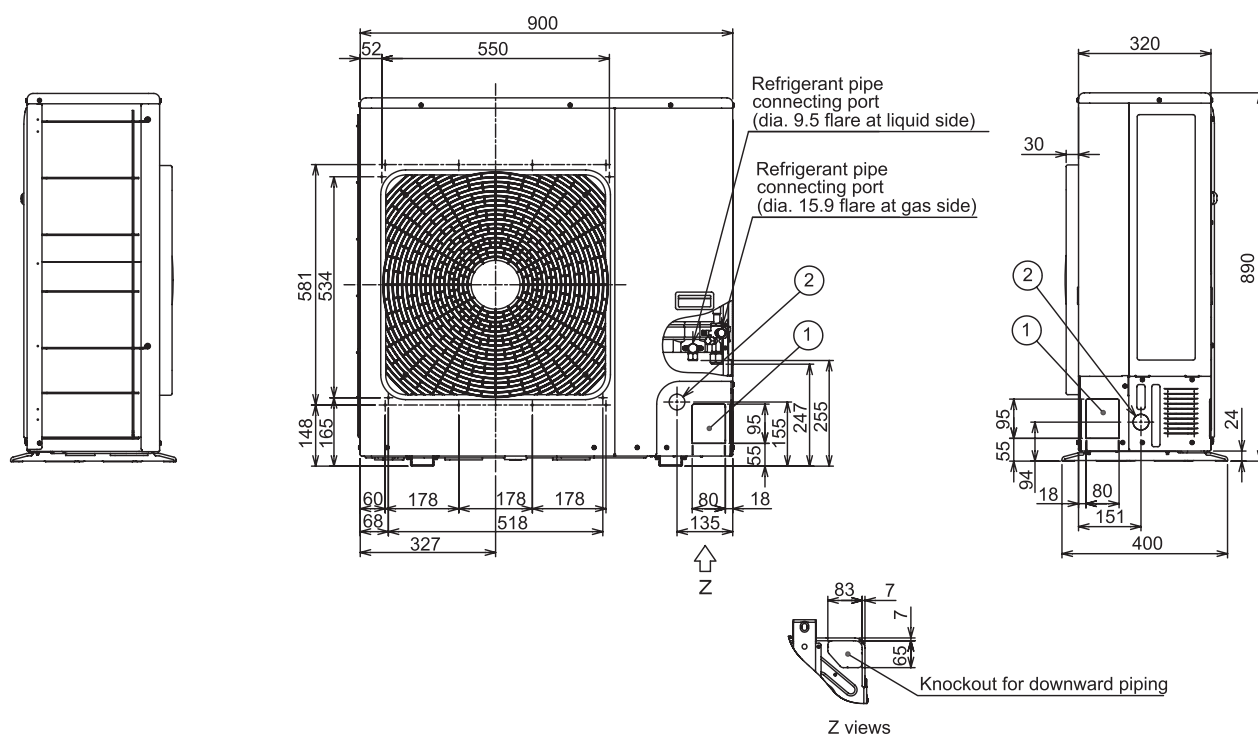
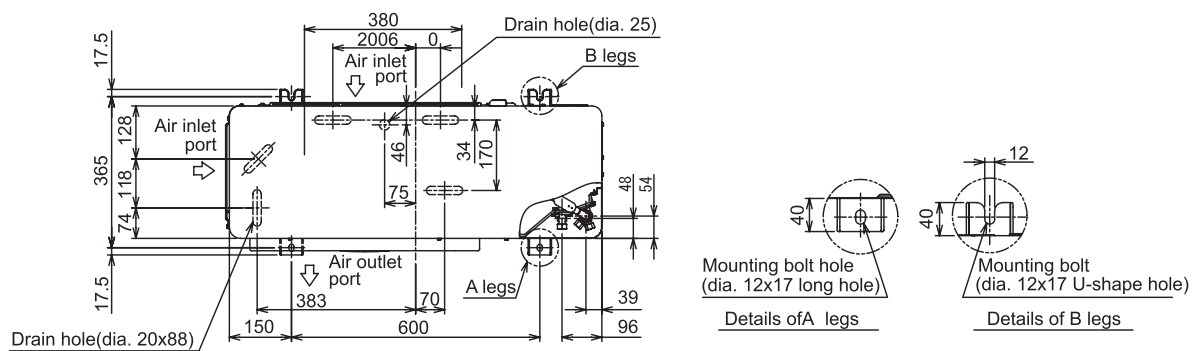


(Unit: mm)

# Outdoor unit drawings - 4HP, 5HP, 6HP

RAV-TE1001AP-V, RAV-TE1001A8-V

RAV-TE1251AP-V, RAV-TE1251A8-V, RAV-TE1401A8-V



	Name	Note
①	Refrigerant piping hole Indoor/Outdoor unit connecting wire inlet hole	—
②	Power supply inlet holed	ia. 38 Knockout hole

(Unit: mm)

## Appendix

### Bộ điều khiển có dây


**RBC-AMT32E**

#### Bộ điều khiển chuẩn

Bộ điều khiển từ xa có dây có thể kết nối với dàn lạnh đơn hoặc 1 cụm 8 cái. Công suất tiêu thụ hoạt động giới hạn bởi giá trị hiện hành cao nhất. Bộ điều khiển từ xa thông báo lỗi thiết bị trong khi phần mềm bảo vệ hoạt động hoặc xuất


**TCB-EXS21TLE**

#### Schedule timer

Hẹn giờ lịch trình làm việc

- 6 chương trình / ngày
- 1 chương trình có thể cài đặt tối đa thành 8 nhóm
- Có thể điều khiển tối đa 64 dàn lạnh
- Cài đặt hẹn giờ hàng tuần có thời gian lưu trữ lên tới 100 giờ
- 7 kiểu lập trình theo tuần và 3 kiểu cài đặt chương trình hoạt động mỗi ngày


**RBC-AMS41E**

#### Bộ điều khiển từ xa với chức năng hẹn giờ hàng tuần

Có thể lập trình 8 chức năng mỗi ngày trong tuần. Các hạng mục có thể cài đặt chương trình bao gồm: thời gian hoạt động, thời gian chạy/ dừng, kiểu hoạt động, nhiệt độ cài đặt, sự hạn chế hoạt động của các nút ấn.


**RBC-AS41E**

#### Bộ điều khiển từ xa có dây đơn giản

Có thể kết nối với 1 dàn lạnh hoặc 1 cụm 8 cái.

- Chạy/ dừng
- Nhiệt độ
- Thay đổi lưu lượng khí thổi
- Hiển thị mã kiểm tra

### Bộ điều khiển từ xa không dây

- Thay đổi cài đặt
- Cài đặt nhiệt độ
- Thay đổi hướng gió thổi khí thổi
- Chức năng hiện giờ "Mở" hoặc "Tắt" hoặc "tuần hoàn" có thể cài đặt bao nhiêu lần trong 30 phút.
- Có thể dùng 2 bộ điều khiển từ xa

2 bộ điều khiển từ xa không dây có thể hoạt động trong 1 dàn lạnh. Dàn lạnh có thể hoạt động tách biệt từ 2 vị trí khác nhau

Hiển thị mã kiểm tra

**RBC-ACX33CE**

Integral receiver  
(For ceiling)


**TCB-ACX32E2**

Sensor unit; Stand alone receiver  
(For Concealed Duct type)





## Việc lắp đặt và sử dụng môi chất lạnh không theo chỉ dẫn của Toshiba Carrier

Máy lạnh điều hòa và tủ lạnh Toshiba được thiết kế và sản xuất dựa trên giả thiết rằng sản phẩm có thể sử dụng với 1 môi chất lạnh đặc biệt phù hợp với mỗi thiết bị.

Gần đây, Chúng tôi nhận ra một vài trường hợp xuất hiện các loại môi chất lạnh rất khác với môi chất lạnh được cài đặt ban đầu trong thiết bị. Đó là nguyên nhân dẫn đến lỗi cơ khí, các sự cố, lỗi kỹ thuật và một vài trường hợp liên quan đến quy định an toàn nghiêm trọng. Do đó KHÔNG được sử dụng bất cứ môi chất lạnh khác với quy định của nhà sản xuất theo từng sản phẩm riêng biệt

Loại môi chất lạnh được dùng cho mỗi sản phẩm của chúng tôi được thể hiện trong sổ tay hướng dẫn kèm theo hoặc trên nhãn sản phẩm.

Công ty Toshiba Carrier không chịu trách nhiệm nào cho các sự cố, trục trặc kỹ thuật và an toàn cho các sản phẩm sử dụng các môi chất lạnh khác với quy định của nhà sản xuất.



## NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

### Cách sử dụng

- Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

### Mục đích sử dụng thiết bị điều hòa không khí:

Các thiết bị điều hòa không khí hiện tại trong catalogue là các thiết bị điều hòa không khí/sưởi được sử dụng chung cho các khách hàng

- Không sử dụng các thiết bị điều hòa không khí vào các ứng dụng đặc biệt như các cửa hàng thức ăn, vật nuôi, nhà máy, máy móc có độ chính xác cao hoặc công việc liên quan đến nghệ thuật. Việc sử dụng không theo hướng dẫn có thể giảm chất lượng của thiết bị
- Không sử dụng các thiết bị điều hòa không khí cho các ứng dụng trong vận tải hoặc tàu thuyền. Có thể gây rò rỉ nước và năng lượng.

## Các điều cần tránh khi sử dụng các thiết bị điều hòa không khí

### Máy lạnh điều hòa không khí tự động đóng tuyết

Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống, tình trạng đóng tuyết có thể hình thành trên bộ trao đổi nhiệt của dàn nóng. Trong trường hợp này, thiết bị sẽ tự động đóng tuyết được kích hoạt từ 5 đến 8 phút bằng cách gia nhiệt

### Điều kiện hoạt động và cách chọn máy lạnh điều hòa:

(1) Tránh sử dụng các thiết bị điều hòa không khí ở các vị trí sau:

- Vùng Không khí có tính axit hoặc kiềm ( vùng không khí nóng có khí lưu huỳnh tỏa ra, hoặc nơi có hóa chất, giấm, khí thải từ buồng đốt, v.v...) Bộ trao đổi nhiệt hoặc các bộ phận khác có thể bị ăn mòn.
- Vị trí có khí lạnh tràn vào hoặc hơi, dầu máy móc bị rò rỉ ( ví dụ như trong các nhà máy thức ăn hoặc nhà máy cơ khí ). Bộ trao đổi nhiệt bị hỏng, đóng tuyết có thể xuất hiện, dẫn đến hiệu suất hoạt động của máy lạnh điều hòa bị ảnh hưởng, dàn ngưng có thể bị đóng tuyết nếu bộ lọc khí bị tắc nghẽn. Các bộ phận bằng nhựa có thể bị hỏng, các vật liệu cách nhiệt có thể bị phân rã, v.v...

(2) (Trước khi sử dụng thiết bị điều hòa không khí ở các vị trí sau, cần tư vấn với người bán hoặc các nhà thầu uy tín:

- Vị trí hơi nước từ đầu ăn phát ra ( ví dụ trong tiệm bánh hoặc nhà bếp có sử dụng đầu ăn ). Hiệu suất làm việc của máy lạnh điều hòa có thể bị ảnh hưởng, hoặc dàn ngưng bị hư hỏng do bộ lọc bị tắc nghẽn, và các bộ phận làm bằng nhựa có thể bị hư. Các đường ống thường xuyên xảy ra trường hợp này thì dùng các thiết bị điều hòa không khí dùng riêng trong nhà bếp hoặc sử dụng bộ lọc dầu, v.v...
- Vị trí có sử dụng nước khử trùng clo ( dùng xử lý nước ) làm cho các bộ phận kim loại bị ăn mòn.
- Vị trí có độ mặn cao ( vùng duyên hải, v.v...) gây ăn mòn dàn nóng, vì vậy cần sử dụng dàn nóng có thiết kế đặc biệt có thể chịu được sự ăn mòn của muối.

- Vị trí có nguồn được cấp độc lập từ máy phát điện có tần số và điện áp không ổn định, dễ gây hỏng thiết bị.

- Vị trí có tần số cao hoặc bị nhiễu điện từ ( Từ vị trí hàn có tần số cao dùng để hàn nhựa vinyl, thiết bị gia nhiệt bằng điện, v.v... ) Các bộ phận điện tử có thể bị ảnh hưởng và hư hỏng.

- Vị trí lắp đặt các thiết bị điện. Nhiễu điện từ có thể ảnh hưởng tới sự hoạt động của các thiết bị điện tử

(3) Vị trí có trần nhà cao

- Vị trí có trần nhà cao, cần sử dụng mạch tuần hoàn để nâng cao sự phân tán nhiệt trong quá trình gia nhiệt

(4) Môi trường có độ ẩm cao

- Khi dàn lạnh âm trần được lắp đặt tại vị trí này thì có độ ẩm và nhiệt độ cao trong trần, sự ngưng tụ nước có thể hình thành ở bề mặt bên ngoài dàn lạnh. Trong trường hợp này, sử dụng thêm vật liệu cách nhiệt bên ngoài.
- Vị trí có độ ẩm cao như vùng dây chuyền chế biến thức ăn có độ ẩm và nhiệt độ cao trên trần
- Vị trí có khí bên ngoài lùa vào
- Trần có lát đá hoặc gạch

(5) Khi thiết bị điều hòa không khí tắt, nó vẫn tiêu thụ một ít điện năng để bảo vệ thiết bị. Nếu không sử dụng trong thời gian dài, có thể bấm OFF để tắt nguồn chính. Tuy nhiên, trước khi thiết bị sử dụng trở lại, bật ON nguồn chính ít nhất 12 tiếng để tránh sự cố

# TOSHIBA

## Leading Innovation >>>



Certificate Number: 0022000111001  
**ISO9001**  
QUALITY MANAGEMENT SYSTEM

Certificate Number: 18021002100  
**ISO14001**  
ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM

Certificate Number: 00210001001  
**TIS18001**  
TECHNOLOGY INNOVATION MANAGEMENT SYSTEM

Certificate Number: 010001001001  
**OHSAS**  
OCCUPATIONAL HEALTH AND SAFETY MANAGEMENT SYSTEM



Notice: - Products listed in this leaflet use HFC refrigerant R410A with a GWP of 2,088\*.

- Toshiba is committed to continuously improving its products to ensure the highest quality and reliability standards, and to meet local regulations and market requirements. All features and specifications are subject to change without prior notice.

\*The GWP value is calculated based on information provided in the EU F-gas Regulation and IPCC Fourth Assessment Report.